

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-02-2020.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Thanh.
2. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Châu Nữ Thu Hân.

Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh

Ngày 11/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2019 về việc “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/01/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Phương D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà b, tổ m, ấp Đ, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Phạm Trường H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà m, đường T, Khóm h, Phường m, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị D có mặt tại phiên tòa, anh H vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị Phương D trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Phương D và anh Phạm Trường H kết hôn năm 2013, hôn nhân có tìm hiểu trước 01 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Cao Lãnh vào ngày 28/8/2013.

Thời gian đầu, vợ chồng chúng tôi chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Khoảng tháng 4/2018, chị D có khởi kiện yêu cầu ly hôn anh H đến Tòa án nhưng được Thẩm phán giải hòa khuyên vợ chồng hàn gắn lại và vì con còn nhỏ nên chị D đồng ý rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Trong khoảng thời gian vợ chồng chung sống lại với nhau, vợ chồng thường xuyên bất hòa và ngày càng gay gắt hơn không thể hàn gắn lại được nữa.

Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh Phạm Trường H.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trần Phú T, sinh ngày 02/01/2014, hiện con chung đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, anh Phạm Trường H trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất lời trình bày của chị D về thời gian kết hôn và thời gian chung sống. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng như chị D trình bày là không đúng, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không nhiều, vợ chồng không sống chung từ tháng 10/2019 đến nay.

Anh H vẫn còn tình cảm với chị D và mong muốn được hàn gắn nên anh H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Trần Phú T, sinh ngày 02/01/2014, hiện con chung đang sống với chị D. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh H đồng ý chị D được tiếp tục nuôi con và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị D và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con.

Bị đơn anh Phạm Trường H có địa chỉ tại Phường m, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị D và anh H được xác lập vào năm 2013, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Cao Lãnh vào ngày 28/8/2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung, vợ chồng chị D và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, chị D cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh H. Tại phiên hòa giải, anh H không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt, không trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Tháng 5/2018, chị D có khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu ly hôn anh H nhưng được Thẩm phán hòa giải, khuyên vợ chồng hàn gắn lại và vì con còn nhỏ nên chị D đồng ý rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án ngày 12/6/2018. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, chị D và anh H có trở lại sống chung nhưng thường xuyên bất hòa và mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn không thể hàn gắn lại được, hai bên không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị D được ly hôn với anh H.

[3] Xét con chung: Chị Trần Thị Phương D và anh Phạm Trường H có 01 con chung tên Phạm Trần Phú Thịnh, sinh ngày 02/01/2014, hiện con chung đang sống với chị D. Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được tiếp tục nuôi con chung. Tại phiên hòa giải, anh H đồng ý giao con cho chị D nuôi nhưng tại phiên tòa anh H vắng mặt, không trình bày ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy bé Phú Thịnh từ khi sinh ra đến nay đã sống chung với chị D, có cuộc sống ổn định. Hơn nữa, bé Phú Thịnh còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Trần Phú T, sinh ngày 02/01/2014 là phù hợp với khoản 3 Điều 81 và Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải

quyết tài sản chung, nợ chung không có; tại phiên hòa giải, anh H đồng ý giao con cho chị D nuôi, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung không có nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt nên không có trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Phương D, Trần Thị Phương D được ly hôn với anh Phạm Trường H.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Phương D, chị Trần Thị Phương D được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Trần Phú T, sinh ngày 02/01/2014, hiện con chung đang sống với chị D.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Trần Thị Phương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007955 ngày 11/12/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị Phương D có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Trường H có quyền

kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cao Lãnh (số 51/2013, ngày 28/8/2013);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh